

## Bộ câu hỏi trắc nghiệm Địa Lí 11 Bài 8 Liên Bang Nga phần 1

Câu 1. Dựa vào hình 8.10 SGK, trang 73, trả lời câu hỏi: Các cây trồng chính của Liên bang Nga là

- A. Lúa mì, củ cải đường
- B. Lúa gạo, hướng dương
- C. Củ cải đường, lúa gạo
- D. Lúa mì, chè

Câu 2. Dựa vào hình 8.10 SGK, trang 73, trả lời câu hỏi: Lúa mì được phân bố chủ yếu ở

- A. Các đồng bằng lớn và đồng bằng ven đại dương
- B. Đồng bằng Đông Âu và phía nam của đồng bằng Tây Xi-bia
- C. Đồng bằng Tây Xi-bia và cao nguyên Trung Xi-bia
- D. Đồng bằng Đông Âu và hạ lưu các con sông lớn

Câu 3. Dựa vào hình 8.10 SGK, trang 73, trả lời câu hỏi: Củ cải đường được trồng ở

- A. phía bắc đồng bằng Tây Xi-bia
- B. Ven Thái Bình Dương
- C. Phía tây đồng bằng Đông Âu

Câu 4. Dựa vào hình 8.10 SGK, trang 73, trả lời câu hỏi: Các vật nuôi chính của Liên bang Nga là:

- A. Bò, cừu, trâu
- B. Bò, lợn, dê
- C. Bò, cừu, lợn
- D. Ven Bắc Băng Dương

Câu 5. Dựa vào hình 8.10 SGK, trang 73, trả lời câu hỏi: Bò phân bố chủ yếu ở

- A. Đồng bằng Đông Âu và phía nam đồng bằng Tây Xi-bia, phía nam cao nguyên Trung Xi-bia
- B. Đồng bằng Đông Âu và phía bắc đồng bằng Tây Xi-bia, phía nam cao nguyên Trung Xi-bia
- C. Phía bắc đồng bằng Đông Âu và phía bắc đồng bằng Tây Xi-bia, phía nam cao nguyên Trung Xi-bia

Câu 6. Lợn được nuôi chủ yếu ở

- A. Đồng bằng Tây Xi-bi-a
- B. Đồng bằng Đông Âu
- C. Cao nguyên Trung Xi-bia
- D. Bò, trâu, ngựa.

Câu 7. Dựa vào hình 8.10 SGK, trang 73, trả lời câu hỏi: Cừu được nuôi chủ yếu ở

- A. Dọc theo đường vĩ tuyến 60oB
- B. Các đồng bằng ven Bắc Băng Dương và Thái Bình Dương

- C. Phía nam đồng bằng Đông Âu, phía bắc đồng bằng Tây Xi-bia, phía tây cao nguyên Trung Xi-bia  
D. Phía nam đồng bằng Đông Âu và phía nam đồng bằng Tây Xi-bia, phía nam cao nguyên Trung Xi-bia

**Câu 8. Dựa vào hình 8.10 SGK, trang 73, trả lời câu hỏi: Các cây trồng, vật nuôi của Liên bang Nga được phân bố chủ yếu ở đồng bằng Đông Âu là do:**

- A. Đất đai màu mỡ, khí hậu nóng ẩm quanh năm.  
B. Địa hình thấp, có nhiều sông lớn, đất phù sa màu mỡ.  
C. Địa hình tương đối cao, có đồi thấp, đất đai màu mỡ, khí hậu ôn hòa.  
D. Đồng bằng Đông Âu và phía nam đồng bằng Tây Xi-bia, đồng bằng ven Thái Bình Dương

**Câu 9. Diện tích của Liên bang Nga là:**

- A. 16,1 triệu km<sup>2</sup>.  
B. 17,1 triệu km<sup>2</sup>.  
C. 18,1 triệu km<sup>2</sup>.  
D. 19,1 triệu km<sup>2</sup>

**Câu 10. 17,1 triệu km<sup>2</sup> là diện tích của nước nào sau đây?**

- A. Trung Quốc.  
B. Ca-na-đa.  
C. Hoa Kỳ.  
D. LB Nga.  
D. Khu vực dọc biên giới

**Câu 11. Liên bang Nga có diện tích lớn**

- A. nhất thế giới.  
B. thứ hai thế giới.  
C. thứ ba thế giới  
D. thứ tư thế giới.

**Câu 12. Nước có diện tích lớn nhất thế giới là:**

- A. Hoa Kỳ.  
B. Trung Quốc  
C. LB Nga.  
D. Ca-na-đa

**Câu 13. Liên bang Nga nằm ở**

- A. châu Á.  
B. châu Âu.  
C. hai châu lục Á, Âu.  
D. ba châu lục Á, Âu, Phi

**Câu 14. Nước nào sau đây nằm ở cả hai châu lục Á, Âu?**

- A. Trung Quốc.

- B. Mông Cổ.
- C. Pa-ki-xtan.
- D. LB Nga.
- D. Địa hình thấp, bằng phẳng, có nhiều mưa vào mùa đông.

**Câu 15. Lãnh thổ Liên bang Nga trải dài trên phần lớn đồng bằng**

- A. Đông Bắc Âu và toàn bộ phần Bắc Á.
- B. Bắc Âu và toàn bộ phần Bắc Á.
- C. Đông Âu và toàn bộ phần Bắc Á.
- D. Đông Âu và toàn bộ phần Đông Bắc Á.

**Câu 16. Liên bang Nga có đường biên giới xấp xỉ chiều dài**

- A. Chí tuyến.
- B. Xích đạo.
- C. Vòng cực.
- D. đường bờ biển

**Câu 17. Đất nước Liên bang Nga trải dài trên**

- A. 7 múi giờ.
- B. 9 múi giờ.
- C. 11 múi giờ.
- D. 13 múi giờ.

**Câu 18. Liên bang Nga giáp với bao nhiêu nước?**

- A. 12 nước.
- B. 13 nước.
- C. 14 nước.
- D. 15 nước.

**Câu 19. Liên bang Nga giáp với 14 nước, trong đó có bao nhiêu nước thuộc Liên Xô trước đây?**

- A. 6 nước.
- B. 7 nước.
- C. 8 nước.
- D. 9 nước

**Câu 20. Lãnh thổ của nước nào sau đây tiếp giáp với 14 nước?**

- A. Bra-xin.
- B. Ca-dắc-xtan.
- C. LB Nga.
- D. Ấn Độ.

**Câu 21. Tỉnh Ca-li-nin-grát của Liên bang Nga nằm biệt lập ở**

- A. phía đông.
- B. phía bắc.
- C. phía nam.

D. phía tây.

**Câu 22. Tỉnh Ca-li-nin-grát của Liên bang Nga nằm biệt lập ở phía tây, giáp với**

- A. Ba Lan và Lát-vi-a.
- B. Ba Lan và E-xtô-ni-a.
- C. Ba Lan và U-crai-na.
- D. Ba Lan và Lít-va

**Câu 23. Phía bắc Liên bang Nga giáp với**

- A. Đại Tây Dương.
- B. Thái Bình Dương
- C. Bắc Băng Dương.
- D. Ấn Độ Dương.

**Câu 24. Phía đông Liên bang Nga giáp với**

- A. Ấn Độ Dương.
- B. Thái Bình Dương.
- C. Đại Tây Dương.
- D. Bắc Băng Dương.

**Câu 25. Liên bang Nga tiếp giáp với hai đại dương nào sau đây?**

- A. Thái Bình Dương và Đại Tây Dương.
- B. Đại Tây Dương và Ấn Độ Dương.
- C. Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương.
- D. Thái Bình Dương và Bắc Băng Dương.

**Câu 26. Phía đông và phía bắc của Liên bang Nga lần lượt tiếp giáp với các đại dương là:**

- A. Bắc Băng Dương và Đại Tây Dương.
- B. Ấn Độ Dương và Bắc Băng Dương.
- C. Thái Bình Dương và Bắc Băng Dương.
- D. Đại Tây Dương và Bắc Băng Dương.

**Câu 27. Liên bang Nga giáp với các biển nào ở phía tây và tây nam?**

- A. Biển Bắc, Ban-tích, biển Ca-xpi.
- B. Ban-tích, Biển Đen, biển Ca-xpi.
- C. Ba-ren, Ban-tích, Đông Xi-bia.
- D. Biển Bắc, biển Ca-xpi, Biển Đen.

**Câu 28. Liên bang Nga giáp với các biển Ban-tích, Biển Đen, biển Ca-xpi ở**

- A. phía tây và tây nam.
- B. phía bắc và tây bắc.
- C. phía nam và tây nam.
- D. phía đông và đông nam.

**Câu 29. Liên bang Nga không giáp với biên nào sau đây?**

- A. Ban-tích.

- B. Biển A-ran.
- C. Biển Đen.
- D. Biển Ca-xpi.

**Câu 30. Ý nào sau đây không đúng với vị trí địa lí và lãnh thổ LB Nga?**

- A. Nằm ở cả hai châu lục Á, Âu.
- B. Đất nước trải dài trên 11 múi giờ.
- C. Phía đông giáp Đại Tây Dương.
- D. Đường biên giới xấp xỉ chiều dài xích đạo

**Câu 31. Tỉnh nào của Liên bang Nga nằm biệt lập ở phía tây giáp với Ba Lan và Lit-va?**

- A. Muốc-man.
- B. Ac-khan-ghen.
- C. Ca-li-nin-grát.
- D. Chê-lia-bin.

**Câu 32. Địa hình của Liên bang Nga có đặc điểm là:**

- A. cao ở phía nam, thấp dần về phía bắc.
- B. cao ở phía tây, thấp dần về phía đông.
- C. cao ở phía bắc, thấp dần về phía nam.
- D. cao ở phía đông, thấp dần về phía tây.

**Câu 33. Địa hình của nước nào sau đây có đặc điểm là cao ở phía đông, thấp dần về phía tây?**

- A. Trung Quốc.
- B. Hoa Kỳ
- C. LBNga.
- D. Nhật Bản.

**Câu 34. Dòng sông nào chia Liên bang Nga ra thành 2 phần rõ rệt: phần phía Tây và phần phía Đông?**

- A. Lê-na.
- B. Ô-bi.
- C. Von-ga.
- D. Ê-nít-xây.

**Câu 35. Đại bộ phận phần phía Tây của Liên bang Nga là:**

- A. cao nguyên và bồn địa.
- B. núi và cao nguyên.
- C. đồng bằng và vùng trũng.
- D. cao nguyên và đồng bằng.

**Câu 36. Hai đồng bằng lớn ở phần phía Tây của Liên bang Nga là:**

- A. đồng bằng Đông Âu, đồng bằng Tai-mura.
- B. đồng bằng Tây Âu, đồng bằng Đông Xi-bia.

D. đồng bằng Đông Âu, đồng bằng Tây Xi-bia.

**Câu 37. Ý nào sau đây không đúng với đồng bằng Đông Âu của LB Nga?**

- A. Tương đối cao.
- B. Đất đai màu mỡ.
- C. Xen lẫn nhiều đồi thấp.
- D. Chủ yếu là đầm lầy.

**Câu 38. Nơi trồng cây lương thực, thực phẩm và chăn nuôi chính của Liên bang Nga là:**

- A. đồng bằng Tây Xi-bia.
- B. đồng bằng Tây Âu.
- C. đồng bằng Tai-mưa.
- D. đồng bằng Đông Âu.

**Câu 39. Phần phía nào của đồng bằng Tây Xi-bia chủ yếu là đầm lầy?**

- A. Phía tây.
- B. Phía nam.
- C. Phía đông.
- D. Phía bắc.

**Câu 40. Phần phía bắc đồng bằng Tây Xi-bia chủ yếu là**

- A. vùng trũng.
- B. đầm lầy.
- C. đồi núi sót.
- D. các giồng cát.

**Câu 41. Phần phía bắc đồng bằng nào sau đây chủ yếu là đầm lầy, nông nghiệp chỉ được tiến hành ở dải đất miền Nam?**

- A. Đồng bằng Đông Âu.
- B. Đồng bằng Tây Xi-bia.
- C. Đồng bằng sông Lê-na.
- D. Đồng bằng Tai-mưa

**Câu 42. Nông nghiệp của đồng bằng nào ở Liên bang Nga chỉ tiến hành được ở dải đất miền Nam?**

- A. Đồng bằng Tai-mưa.
- B. Đồng bằng Đông Âu.
- C. Đồng bằng Tây Xi-bia.
- D. Đồng bằng ven Bắc Băng Dương.

**Câu 43. Đồng bằng nào ở Liên bang Nga không thuận lợi cho phát triển nông nghiệp nhưng tập trung nhiều khoáng sản, đặc biệt là dầu mỏ, khí tự nhiên?**

- A. Đồng bằng Đông Âu.
- B. Đồng bằng Tai-mưa.
- C. Đồng bằng sông Lê-na.

D. Đồng bằng Tây Xi-bia.

**Câu 44. Đồng bằng nào ở Liên bang Nga có đặc điểm nổi bật là tương đối cao, xen lẫn nhiều đồi thấp, đất màu mỡ?**

- A. Đồng bằng Tai-mura.
- B. Đồng bằng Đông Âu.
- C. Đồng bằng Tây Xi-bia.
- D. Đồng bằng ven Bắc Băng Dương.

**Câu 45. Đồng bằng Tây Xi-bia tập trung nhiều khoáng sản, đặc biệt là:**

- A. than đá, quặng sắt.
- C. dầu mỏ, khí tự nhiên.
- D. than đá, vàng, kim cương.

**Câu 46. Dầu mỏ, khí tự nhiên của Liên bang Nga tập trung chủ yếu ở**

- A. Đồng bằng Đông Âu.
- B. Đồng bằng Tây Xi-bia.
- C. Ven Bắc Băng Dương.
- D. Ven Thái Bình Dương.

**Câu 47. Đồng bằng Tây Xi-bia có đặc điểm là:**

- A. tương đối cao.
- B. đất màu mỡ.
- C. xen lẫn nhiều đồi thấp.
- D. tập trung nhiều dầu mỏ, khí tự nhiên.

**Câu 48. Dãy núi nào sau đây thuộc phần phía Tây của LB Nga?**

- A. Véc-khôi-an
- B. An-ga-ra
- C. Trec-xki
- D. U-ran

**Câu 49. Dãy núi giàu khoáng sản thuộc phần phía Tây của Liên bang Nga là:**

- A. Trec-xki.
- B. Xai-an.
- C. U-ran.
- D. Véc-khôi-an.

**Câu 50. Nơi giàu khoáng sản (than, dầu, quặng sắt, kim loại màu,...) ở phần phía Tây của Liên bang Nga là**

- A. đồng bằng Đông Âu.
- B. đồng bằng Tây Xi-bia.
- C. dãy núi U-ran.
- D. cao nguyên Trung Xi-bia.

**Câu 51. Ranh giới tự nhiên giữa hai châu lục Á - Âu trên lãnh thổ nước Nga là:**

- A. Dãy U-ran

- B. sông Ê-nít-xây
- C. biển Ca-xpi
- D. sông Ô-bi

Câu 52. **Phần lớn địa hình ở phần phía Đông lãnh thổ Liên bang Nga là:**

- A. đồng bằng và vùng trũng.
- B. núi và cao nguyên.
- C. bán bình nguyên và bồn địa.
- D. đồng bằng và đồi trung du.

Câu 53. **Ý nào sau đây không đúng với phần phía Đông của LB Nga?**

- D. Đại bộ phận là đồng bằng.
- A. Có nguồn lâm sản lớn.
- B. Có nguồn khoáng sản lớn.
- C. Trữ lượng thủy điện lớn.

Câu 54. **Nhận định nào sau đây đúng với phần phía Đông của LB Nga?**

- A. Đại bộ phận là đồng bằng và vùng trũng.
- B. Rất thuận lợi cho phát triển nông nghiệp.
- C. Tập trung rất nhiều dầu mỏ, khí tự nhiên.
- D. Có nguồn lâm sản và trữ năng thủy điện lớn.

Câu 55. **Liên bang Nga không tiếp giáp với quốc gia nào sau đây?**

- A. Mông Cổ
- B. Ca-dắc-xtan
- C. Phần Lan
- D. Thổ Nhĩ Kỳ

Câu 56. **Nhận định nào sau đây không đúng với phần phía Tây của LB Nga?**

- A. Đại bộ phận phần phía Tây là đồng bằng và vùng trũng.
- B. Đồng bằng Tây Xi-bia tương đối cao, xen lẫn nhiều đồi thấp, đất màu mỡ.
- C. Dãy U-ral giàu khoáng sản (than, dầu, quặng sắt, kim loại màu,...).
- D. Đồng bằng Tây Xi-bia tập trung nhiều khoáng sản, đặc biệt là dầu mỏ, khí tự nhiên.

Câu 57. **Loại khoáng sản nào sau đây không có nhiều ở dãy núi U-ral?**

- A. Than
- B. Quặng sắt
- C. Kim loại màu
- D. Kim cương

Câu 58. **Dãy núi U-ral giàu các loại khoáng sản như**

- A. quặng sắt, mangan, than bùn, dầu khí.
- B. dầu mỏ, vàng, photphát, quặng sắt.
- C. than, dầu, quặng sắt, kim loại màu.
- D. quặng sắt, than, kim cương, uranium.

Câu 59. **Khí tự nhiên của Liên bang Nga có trữ lượng đứng**

- A. thứ nhất trên thế giới.
- B. thứ hai trên thế giới.
- C. thứ ba trên thế giới.
- D. Ca-na-đa.

**Câu 60. Quặng sắt của Liên bang Nga có trữ lượng đứng thứ mấy trên thế giới (năm 2004)?**

- A. Thứ tư
- B. Thứ hai
- C. Thứ ba
- D. Thứ nhất

**Câu 61. Trữ lượng quặng kali của Liên bang Nga đứng thứ mấy trên thế giới (năm 2004)?**

- A. Thứ hai.
- B. Thứ ba.
- C. Thứ nhất.
- D. Thứ tư.

**Câu 62. Nước có trữ lượng than đá đứng thứ ba trên thế giới (năm 2004) là:**

- A. Trung Quốc.
- B. Ô-xtrây-li-a.
- C. Hoa Kỳ.
- D. LB Nga.

**Câu 63. Nước nào sau đây có trữ lượng dầu mỏ đứng thứ bảy trên thế giới (năm 2004)?**

- A. Hoa Kỳ.
- B. LB Nga.
- C. A-rập Xê-út.
- D. Trung Quốc.

**Câu 64. Nước có trữ lượng khí tự nhiên đứng đầu thế giới (năm 2004) là:**

- A. I-rắc.
- B. A-rập Xê-út.
- C. Hoa Kỳ.
- D. LB Nga.

### **ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM ĐỊA LÍ 11 BÀI 8: LIÊN BANG NGA (CÓ ĐÁP ÁN) PHẦN 1**

| Câu   | Đáp án | Câu    | Đáp án |
|-------|--------|--------|--------|
| Câu 1 | A      | Câu 33 | C      |
| Câu 2 | B      | Câu 34 | D      |

|        |   |        |   |
|--------|---|--------|---|
| Câu 3  | C | Câu 35 | C |
| Câu 4  | C | Câu 36 | D |
| Câu 5  | A | Câu 37 | D |
| Câu 6  | B | Câu 38 | D |
| Câu 7  | D | Câu 39 | D |
| Câu 8  | C | Câu 40 | B |
| Câu 9  | B | Câu 41 | B |
| Câu 10 | D | Câu 42 | C |
| Câu 11 | A | Câu 43 | D |
| Câu 12 | C | Câu 44 | B |
| Câu 13 | C | Câu 45 | C |
| Câu 14 | D | Câu 46 | B |
| Câu 15 | C | Câu 47 | D |
| Câu 16 | B | Câu 48 | D |
| Câu 17 | C | Câu 49 | C |
| Câu 18 | C | Câu 50 | C |
| Câu 19 | C | Câu 51 | A |
| Câu 20 | C | Câu 52 | B |
| Câu 21 | D | Câu 53 | D |
| Câu 22 | D | Câu 54 | D |
| Câu 23 | B | Câu 55 | D |
| Câu 24 | B | Câu 56 | B |
| Câu 25 | D | Câu 57 | D |
| Câu 26 | C | Câu 58 | C |
| Câu 27 | B | Câu 59 | A |
| Câu 28 | A | Câu 60 | D |

|        |   |        |   |
|--------|---|--------|---|
| Câu 29 | B | Câu 61 | C |
| Câu 30 | C | Câu 62 | D |
| Câu 31 | C | Câu 63 | B |
| Câu 32 | D | Câu 64 | D |

